

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy,
Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy
và quản lý sau cai nghiện ma túy**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: ...S.....
Ngày: 31/12/2021

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính về:

1. Điều kiện hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy công lập; thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; thủ tục đăng ký, công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

2. Quy trình cai nghiện ma túy.

3. Cai nghiện ma túy tự nguyện.

4. Cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Cai nghiện ma túy bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dịch vụ cai nghiện ma túy* là hoạt động do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện nhằm hỗ trợ người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng.

2. *Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy* là thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy với người nghiện ma túy hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi về việc cung cấp, sử dụng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

3. *Không đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế* là việc người nghiện hoặc người đại diện hợp pháp của người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác định, thông báo là nghiện ma túy mà không đăng ký cai nghiện tự nguyện hoặc không đăng ký điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn trên thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. *Không thực hiện cai nghiện tự nguyện hoặc không thực hiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế* là việc người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi trở lên, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định cai nghiện tự nguyện, quyết định điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế của cơ quan có thẩm quyền mà không thực hiện cai nghiện, điều trị theo đăng ký. Trường hợp do sự kiện bất khả kháng không thể thực hiện đúng thời hạn trên thì thời hạn được tính lại kể từ thời điểm sự kiện bất khả kháng chấm dứt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

5. *Tự ý chấm dứt cai nghiện ma túy, chấm dứt điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế* là việc người đang trong thời gian cai nghiện tự nguyện, thời gian điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế mà không tuân thủ các quy định chuyên môn về cai nghiện ma túy; tự ý rời khỏi cơ sở cai nghiện từ 05 ngày làm việc trở lên, không đến điều trị tại cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế từ 05 ngày làm việc trở lên hoặc không chấp hành 10 liệu trình điều trị liên tục mà không có lý do.

6. *Tái nghiện* là trường hợp người đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc hoặc kết thúc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế có hành vi sử dụng ma túy trái phép, được cơ quan có thẩm quyền xác định là nghiện ma túy.

7. *Có tiến bộ rõ rệt* là việc người trong thời gian cai nghiện ma túy nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế, quy trình cai nghiện, tích cực lao động, học tập; không sử dụng ma túy trái phép, được cơ sở cai nghiện ma túy, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nghiện ma túy đăng ký cai nghiện công nhận.

8. *Lập công* là hành vi của người đang cai nghiện ma túy đã dũng cảm cứu người, cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc của người khác; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động, sản xuất, được cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và được tặng giấy khen của Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên.

9. *Quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú* là biện pháp hỗ trợ người sau cai nghiện ma túy phòng, chống tái nghiện, hòa nhập cộng đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Việc tổ chức cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy phải được thực hiện theo quy định tại Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy phải tôn trọng quyền, nghĩa vụ của người cai nghiện, người sau cai nghiện ma túy; bảo đảm bí mật cá nhân của người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy; chỉ cung cấp thông tin liên quan cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

3. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho việc tổ chức cai nghiện tự nguyện, cai nghiện bắt buộc; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ người tự nguyện cai nghiện, người sau cai nghiện ma túy và tổ chức, cá nhân tham gia công tác cai nghiện, quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 5. Bảo đảm an ninh trật tự, phòng, chống dịch bệnh và điều trị bệnh tại cơ sở cai nghiện

1. Khi phát sinh vấn đề phức tạp về an ninh trật tự, phòng, chống dịch bệnh và điều trị bệnh tại cơ sở cai nghiện, cơ sở cai nghiện đề nghị trung tâm y tế, cơ quan công an cấp huyện nơi đặt trụ sở của cơ sở cai nghiện phối hợp giải quyết.

2. Trường hợp cần thiết hoặc ngoài khả năng xử lý của các cơ quan cấp huyện thì cơ sở cai nghiện báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đề nghị Sở Y tế, Công an cấp tỉnh cử người để phối hợp giải quyết. Trường hợp cơ quan được đề nghị không cử người hỗ trợ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP; THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN; THỦ TỤC CÔNG BỐ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Mục 1

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP

Điều 6. Điều kiện cơ sở vật chất

Cơ sở cai nghiện ma túy công lập (sau đây gọi tắt cơ sở) phải bảo đảm các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất sau:

1. Cơ sở phải đặt tại địa điểm thuận tiện về tiếp cận giao thông, tiếp cận cơ sở y tế; có điện, nước sạch phục vụ cho sinh hoạt; có tường bao, biển tên cơ sở.

2. Cơ sở vật chất

a) Diện tích đất tự nhiên cho 01 đối tượng: 80 m²/đối tượng ở khu vực thành thị, 100 m²/đối tượng ở khu vực nông thôn, 120 m²/đối tượng ở khu vực miền núi;

b) Diện tích phòng ở bình quân 06 m²/đối tượng; đối với đối tượng phải chăm sóc 24/24 giờ một ngày, diện tích phòng ở bình quân 08 m²/đối tượng.

3. Cơ cấu khối công trình của cơ sở cai nghiện gồm:

a) Khối hành chính, quản trị gồm: khu làm việc, hội trường, phòng ở của nhân viên;

b) Khối nhà ở của người cai nghiện: tổ chức các khu riêng biệt theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 35 Luật Phòng, chống ma túy;

c) Khối đơn vị chức năng gồm: y tế, giáo dục, trị liệu tâm lý, nhà thăm gặp thân nhân, khu vực lao động trị liệu, lao động sản xuất (nếu có);

d) Khu vực nhà ăn, bếp và kho;

đ) Sân chơi, tập thể thao phải có diện tích tối thiểu bằng 25% tổng diện tích sử dụng của cơ sở.

4. Các tiêu chuẩn chuyên môn khác:

a) Các công trình xây dựng, trang thiết bị phải bảo đảm cho người nghiện ma túy là người khuyết tật và người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi tiếp cận và sử dụng thuận tiện, an toàn; đáp ứng các điều kiện về môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở phải bảo đảm các tiêu chuẩn về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng đối với người cai nghiện; bảo đảm cho người cai nghiện được tiếp cận về văn hóa, thể dục, thể thao và giải trí phù hợp với truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm của đối tượng.

Điều 7. Điều kiện trang thiết bị của cơ sở

1. Có các trang thiết bị phục vụ cho việc đón tiếp, ăn, ở, sinh hoạt của người cai nghiện và trang thiết bị cần thiết phục vụ cho các hoạt động chuyên môn theo quy trình cai nghiện ma túy.

2. Danh mục trang thiết bị, phương tiện tối thiểu của cơ sở cai nghiện quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Điều kiện nhân sự

1. Viên chức của cơ sở cai nghiện phải có chuyên ngành đào tạo thuộc một trong các ngành nghề sau: y, dược, công tác xã hội, tâm lý, sư phạm, luật, kinh tế và các ngành nghề khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ sở, trong đó:

a) Có ít nhất một người chịu trách nhiệm, phụ trách một giai đoạn của quy trình cai nghiện tại Chương III Nghị định này, có trình độ chuyên môn phù hợp;

b) Người phụ trách y tế là y sĩ, bác sĩ, đã được đào tạo, tập huấn về xác định tình trạng nghiện, điều trị và cai nghiện ma túy.

2. Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý, chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số người làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Mục 2

THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN

Điều 9. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện

Cơ sở được cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây gọi tắt là cơ sở cai nghiện) khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp.

2. Có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của hoạt động cai nghiện ma túy theo quy định tại Khoản 1, 2, 4 Điều 6 Nghị định này và điểm e Khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống ma túy. Trường hợp thuê cơ sở vật chất thì thời hạn thuê phải còn ít nhất 02 năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động.

3. Có trang thiết bị, phương tiện tối thiểu theo danh mục quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

4. Nhân sự làm việc tại cơ sở cai nghiện phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện phải có trình độ từ đại học trở lên, đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc có thời gian làm công tác cai nghiện, điều trị nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện từ 02 năm trở lên.

5. Có phương án tài chính bảo đảm duy trì các hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện.

Điều 10. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện trong địa bàn quản lý.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định này;

b) 01 bản sao quyết định thành lập, cho phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Văn bản chấp thuận đặt trụ sở cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện) nơi cơ sở cai nghiện ma túy đặt trụ sở theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục II Nghị định này;

d) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này;

đ) 01 bản chính danh sách nhân viên theo Mẫu số 03 Phụ lục II, kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ; 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định này, 01 bản sao giấy xác nhận đã được đào tạo, tập huấn về điều trị, cai nghiện ma túy hoặc giấy xác nhận thời gian làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy của người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở;

e) 01 bản phương án tài chính của cơ sở để bảo đảm duy trì hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 05 Phụ lục II Nghị định này.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc phương thức điện tử 01 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, các điều kiện hoạt động và quyết định cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 06 Phụ lục II Nghị định này, gồm các nội dung sau: tên cơ sở; hình thức tổ chức của cơ sở; họ, tên người đứng đầu hoặc người chịu trách nhiệm theo pháp luật; địa điểm trụ sở chính và các cơ sở (nếu có); phạm vi dịch vụ cai nghiện thực hiện; thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở.

Điều 12. Điều kiện, hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy

1. Cơ sở cai nghiện đề nghị cấp lại giấy phép cai nghiện ma túy (sau đây gọi tắt là giấy phép) khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Giấy phép bị mất, hỏng;
- b) Cơ sở cai nghiện thay đổi người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật;
- c) Thay đổi địa điểm trụ sở của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện;
- d) Hết thời hạn đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định này;

b) 01 bản chính biên bản xác nhận giấy phép bị mất, hỏng theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định này của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

c) 01 bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cai nghiện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định này, kèm theo các văn bằng, chứng chỉ theo quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này;

d) Tài liệu chứng minh bảo đảm đủ các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tại trụ sở mới theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 9 Nghị định này đối với trường hợp quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này;

đ) Báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện đối với trường hợp quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này theo Mẫu số 08 Phụ lục II Nghị định này.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện gửi trực tiếp, qua bưu điện hoặc phương thức điện tử 01 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp gửi hồ sơ theo phương thức điện tử, cơ sở cai nghiện có trách nhiệm lưu giữ toàn bộ bản gốc của hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và quyết định cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy. Trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 13. Đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện có thời hạn

1. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện bị đình chỉ hoạt động cai nghiện có thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

b) Không thực hiện cung cấp dịch vụ sau 03 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động;

c) Có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cai nghiện ma túy;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định đình chỉ hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện với thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng.

3. Thủ tục đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện có hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập biên bản theo Mẫu số 09 Phụ lục II và xem xét, quyết định đình chỉ hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 10 Phụ lục II Nghị định này;

b) Cơ sở cai nghiện ma túy có trách nhiệm hoàn trả chi phí cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện khi bị đình chỉ hoạt động.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ, cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện phải báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ hoạt động cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi ra quyết định đình chỉ. Việc cấp lại giấy phép hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này.

Điều 14. Thu hồi giấy phép hoạt động

1. Cơ sở cai nghiện bị thu hồi giấy phép khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 11 Phụ lục II Nghị định này;
- b) Không có biện pháp khắc phục khi bị đình chỉ hoạt động theo quy định tại Điều 13 Nghị định này;
- c) Thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Luật Phòng, chống ma túy, gây thiệt hại nghiêm trọng về vật chất và tinh thần đối với người cai nghiện;
- d) Sau 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép mà cơ sở cai nghiện tự nguyện chưa tổ chức hoạt động cai nghiện ma túy hoặc ngừng hoạt động 06 tháng liên tiếp không có lý do, trừ trường hợp phải tạm dừng hoạt động do sự kiện bất khả kháng; bị giải thể hoặc vi phạm các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

2. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy:

- a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định thu hồi giấy phép của cơ sở cai nghiện ma túy đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;
- b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm theo quy định tại điểm b, c và d Khoản 1 Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội lập biên bản theo Mẫu số 09 Phụ lục II và xem xét, quyết định thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy theo Mẫu số 12 Phụ lục II Nghị định.
- c) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo việc thu hồi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy cho Sở Y tế, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện đóng trụ sở và các cơ quan khác có liên quan.

3. Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện có trách nhiệm hoàn trả chi phí cai nghiện và giải quyết các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người cai nghiện theo hợp đồng dịch vụ cai nghiện khi bị thu hồi giấy phép hoạt động.

Mục 3

THỦ TỤC CÔNG BỐ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP DỊCH VỤ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG

Điều 15. Phạm vi dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Các dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gồm:

- a) Tư vấn, hỗ trợ người nghiện ma túy xây dựng kế hoạch cai nghiện;
- b) Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác cho người nghiện ma túy;
- c) Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách cho người nghiện ma túy;
- d) Tổ chức lao động trị liệu, dạy nghề và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người nghiện ma túy.

2. Căn cứ các điều kiện quy định tại Điều 16 Nghị định này, tổ chức, cá nhân đăng ký cung cấp một hoặc nhiều dịch vụ theo phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật; cá nhân không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thời gian chấp hành bản án hình sự của tòa án; không trong thời hạn cấm hành nghề hoặc công việc.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị:

a) Có cơ sở vật chất để thực hiện việc tiếp nhận, cung cấp dịch vụ cai nghiện theo phạm vi dịch vụ đăng ký. Trường hợp cung cấp dịch vụ nội trú, cơ sở phải đáp ứng các điều kiện về phòng ở, các tiêu chuẩn chuyên môn khác quy định tại điểm b Khoản 2 và Khoản 4 Điều 6 Nghị định này;

b) Có trang thiết bị để thực hiện các dịch vụ cai nghiện theo quy định tại Mục A Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

3. Về nhân sự:

a) Có ít nhất 01 người chịu trách nhiệm chính thực hiện việc cung cấp dịch vụ, có trình độ chuyên môn, ngành nghề đào tạo phù hợp;

b) Nhân sự phải đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

Điều 17. Hồ sơ, trình tự đăng ký, công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gồm:

a) Văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định này;